

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 6 – 2022

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Hoài Ân**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Mỹ Hương**.

2. Bà **Trương Ánh Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Như** – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Xóm L, xã Lý Văn L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 229, Hùng V, khóm 4, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P chung sống với nhau năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2018, giữa anh L và chị P xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo trình bày của anh, chị là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh chị thường hay cãi nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay nên anh L xin ly hôn, chị P cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P khai có 01 người con là Nguyễn Tấn Sĩ, sinh ngày 07/11/2000, hiện đang chung sống với chị P. Khi ly hôn, do con đã thành niên nên anh, chị không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản và nợ chung, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P khai không có. Đồng thời, do bận công việc nên cả chị P và anh L cùng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P đã có lời khai và yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Căn cứ vào quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc yêu cầu trên của anh, chị được chấp nhận nên Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về hôn nhân, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Hơn nữa, anh chị cũng đã có lời khai và đồng ý ly hôn nhưng do hôn nhân giữa anh, chị có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Nguyễn Tấn Sĩ, sinh ngày 07/11/2000, hiện đang chung sống với chị P. Do con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh L và chị P không đặt ra yêu cầu gì về con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P.

- Về con chung là Nguyễn Tấn Sĩ, sinh ngày 07/11/2000, hiện đang chung sống với chị Trần Thị P Do con đã thành niên nên khi ly hôn, anh L và chị P không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị P khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Văn L phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 16/5/2022, anh L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001355 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Hoài Ân